

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2025/DS-ST
Ngày 18- 4 -2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Minh Lý
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 878/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Mai Chí T, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Số B N, Tổ D, Khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Kim H, sinh năm 1983; địa chỉ thường trú: Số B đường N, Tổ E, Khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Mai Chí T trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè quen biết với nhau và có sự tin tưởng nên ngày 29/02/2024, ông Phan Kim H có hỏi ông Mai Chí T vay số tiền 300.000.000 đồng và ông T đồng ý. Ông T đã chuyển khoản cho ông H vay số tiền 300.000.000 đồng vào tài khoản của ông Phan Kim H - 0281000417443 tại Ngân hàng V-CN B (có sao kê kèm theo). Ông H hẹn là 07 ngày sẽ trả lại số tiền trên (từ ngày 29/02/2024-06/3/2024). Do là chuyển khoản cho vay và là bạn bè nên không làm giấy vay tiền và cũng không thoả thuận lãi suất.

Tuy nhiên, sau đó ông H không thực hiện việc trả nợ như đã hứa mà trả nhiều lần và còn nợ lại số tiền 80.000.000 đồng. Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền (gọi điện, nhắn tin, đến nhà gặp để đòi nợ) nhưng ông H không trả hết số tiền nợ. Vì vậy, ông T đã khởi kiện để yêu cầu Toà án giải quyết. Quá trình nộp đơn khởi kiện chờ Toà án giải quyết thì ngày 07/8/2024 ông H trả thêm cho ông T số tiền 10.000.000 đồng; ngày 01/11/2024 ông H trả tiếp cho T số tiền 35.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ ông T số tiền 35.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ông T yêu cầu ông H phải trả số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông H phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng. Không yêu cầu trả lãi suất.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Sao kê tài khoản ngày 25/07/2024, ngày 18/02/2025 (bản chính), tin nhắn Zalo (bản photo).

2. Bị đơn ông Phan Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông Phan Kim H phải trả số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn ông Phan Kim H vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ

vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 26 tháng 7 năm 2024, ông Mai Chí T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Phan Kim H phải trả số tiền vay theo sao kê tài khoản tại ngân hàng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ông Mai Chí T khởi kiện về việc tranh chấp chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Phan Kim H, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Phan Kim H đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về số tiền các bên tranh chấp: Theo các sao kê tài khoản tại Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh B thể hiện: Ngày 29/02/2024, ông Mai Chí T có chuyển khoản cho ông Phan Kim H vay số tiền 300.000.000 đồng (BL 03, 16).

Tại thời điểm thực hiện giao dịch chuyển tiền các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung chuyển khoản cho vay mượn tiền không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Khi vay tiền các bên không có thỏa thuận lãi suất, có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng đến hạn trả nợ ông H không trả hết khoản tiền vay như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T có đơn khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Phan Kim H để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông Phan Kim H đã trả cho ông Mai Chí T toàn bộ số tiền đã vay 300.000.000 đồng theo sao kê tài khoản ngày 29/02/2024. Tuy nhiên, ông Mai Chí T thừa nhận quá trình vay ông H đã trả cho ông T số tiền 265.000.000 đồng. Số

tiền còn nợ là 35.000.000 đồng. Do đó, ông Mai Chí T yêu cầu ông Phan Kim H phải trả số tiền vay còn nợ là 35.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2]. Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Chí T đối với bị đơn ông Phan Kim H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là **35.000.000** đồng, tương đương án phí 1.750.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Chí T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn ông Phan Kim H.

Buộc ông Phan Kim H có trách nhiệm trả cho ông Mai Chí T số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Kim H phải chịu số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi đồng).
- Hoàn trả lại cho ông Mai Chí T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu

BLTU/24 số 0003218, ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Hùng Dương Phạm Văn L

Nguyễn Thị Minh N

